

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 04/5/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Thanh Bình**
Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Bà
Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý: 06/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc
“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
51/2021/QĐXXST-DS ngày 08/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hắc Thị L, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Anh Lê Duy B, sinh năm 1976 (đã chết ngày 11/4/2021)

Cùng địa chỉ: Thôn K1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1950 (Vắng mặt)

- Cháu Lê Duy B1, sinh ngày 20/4/2004 (Vắng mặt)

- Cháu Lê Thị Ánh D, sinh ngày 11/9/2014 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn K1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người giám hộ của cháu B1 và cháu D: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2020, lời khai và trình bày trong quá trình giải
quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:*

Do mối quan hệ thân quen nên bà Hắc Thị L đã đồng ý cho vợ chồng anh Lê
Duy B, chị Lê Thị T mua chịu thức ăn gia súc, việc mua hàng cả hai bên đều ghi sổ
để theo dõi. Từ năm 2013 đến năm 2018, vợ chồng anh B, chị T mua hàng của bà L

nhiều lần. Ngày 24/10/2018 hai bên chốt nợ, vợ chồng anh B chị T còn nợ bà L 558.569.000đ tiền mua thức ăn gia súc. Sau khi chốt nợ, bà L đã nhiều lần yêu cầu anh B, chị T trả nợ nhưng anh B, chị T không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh B, chị T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ là 558.569.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh B, chị T đến Tòa án làm việc nhiều lần, nhưng anh B, chị T cố tình vắng mặt. Ngày 22/01/2021, Tòa án đã về tại gia đình anh B, chị T để tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh chị không nhận. Anh B, chị T cho biết trước đây vợ chồng anh chị chăn nuôi, có mua chịu thức ăn chăn nuôi của bà Hắc Thị L và hiện đang còn nợ tiền, số tiền nợ cụ thể là bao nhiêu thì anh chị không nói. Do dịch bệnh nên lợn chết hết, vì vậy vợ chồng không có tiền trả nợ cho bà L và đến nay cũng không có tiền trả nợ cho bà L. Anh B, chị T chỉ nói miệng nhưng từ chối, trốn tránh không viết bản tự khai, không đồng ý cho Tòa án ghi lời khai của mình cũng không ký vào biên bản làm việc của Tòa án.

Ngày 11/4/2021, anh B chết. Tại biên bản làm việc ngày 22/4/2021 với bà Nguyễn Thị Ch, mẹ đẻ của anh B, bà Ch cho biết do mẹ con có xích mích, mâu thuẫn nên từ lâu bà Ch và vợ chồng anh B đã không qua lại. Việc mua thức ăn gia súc giữa bà L và vợ chồng anh B là để phục vụ kinh tế gia đình riêng của anh chị, bà Ch không biết, không liên quan. Nay anh B đã chết, chị T phải có trách nhiệm gánh vác công nợ chung của vợ chồng, không liên quan đến bà Ch. Bà Ch từ chối xác nhận vào biên bản làm việc với Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để đi giám định chữ ký và chữ viết trên giấy chốt nợ có phải là của bị đơn không? Giám định xem anh B, chị T có phải là người gạch xóa trên giấy chốt nợ không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà L làm đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Duy B, chị Lê Thị T có địa chỉ tại xã T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn – anh Lê Duy B:* Trong vụ án này, anh B và chị T là vợ chồng và là đồng bị đơn. Anh B chết ngày 11/4/2021; có mẹ là Nguyễn Thị Ch, bố là ông Lê Duy H (đã chết); có vợ là chị Lê Thị T, có hai con là cháu Lê Duy B1, sinh ngày 20/4/2004 và cháu Lê Thị Ánh D, sinh ngày

11/9/2014. Bà Ch, chị Tình, cháu B1 và cháu D là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh B.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối không nhận các văn bản tố tụng nên Tòa án đã lập biên bản và giao lại các văn bản tố tụng cho trưởng thôn K1, xã T – ông Nguyễn Văn Th, ông Th cam kết đã giao ngay lại cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên hòa giải. Sau khi bị đơn anh Lê Duy B chết, Tòa án đã đưa bà Ch, cháu B1, cháu D vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cháu B1 và cháu D chưa đủ 18 tuổi nên chị T là người giám hộ của các cháu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án tới bà Ch nhưng bà Ch không nhận và từ chối tham gia tố tụng, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của tất cả các đương sự, Tòa án vẫn đưa bà Ch vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày 19/4/2021, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 04/5/2021, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.4]. *Về đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên:* Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có tranh chấp về giấy chốt nợ, bị đơn không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến phản bác lại giấy chốt nợ, không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết và chữ ký trên giấy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải giám định đối với giấy nhận nợ nên không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

Gia đình bị đơn chăn nuôi và có mua chịu thức ăn gia súc của nguyên đơn, việc mua bán giữa hai bên không lập hợp đồng cụ thể nhưng có ghi cụ thể vào sổ mua bán hàng. Ngày 24/10/2018, hai bên chốt nợ, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 558.569.000đ. Việc chốt nợ được lập thành văn bản, do bị đơn viết và ký tên, mặc dù trong văn bản có xóa một số chữ nhưng xét về tổng thể nội dung vẫn đảm bảo việc chốt nợ, và có chữ ký và chữ viết của bị đơn. Từ khi thụ lý, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc. Trước Tòa án và cán bộ địa phương xã T, bị đơn đã công nhận mình nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc của nguyên đơn nhưng trốn tránh làm bản tự khai, từ chối việc Tòa án ghi lại lời khai. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có văn bản nào phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phản bác lại các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Từ đó đã có đủ căn cứ chứng minh nội dung chốt nợ giữa nguyên đơn và bị đơn cùng việc mua bán tài sản giữa hai bên như lời trình bày của nguyên đơn là có thật. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản là hoàn toàn có cơ sở nên cần chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù bị đơn, anh Lê Duy B đã chết, nhưng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh B phải có trách nhiệm thừa kế nghĩa vụ trả nợ của anh B trong phạm vi di sản anh B để lại. Bị đơn mua thức ăn gia súc của nguyên đơn về để phục vụ kinh tế gia đình, đây là công nợ chung vợ chồng nên chị T và anh B (được các đồng thừa kế của anh B thừa kế nghĩa vụ trong phạm vi di sản anh B để lại) có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L. Nghĩa vụ đối với công nợ giữa chị T và các đồng thừa kế của anh B thừa kế trong phạm vi di sản anh B để lại là ngang nhau, cụ thể: Chị T có nghĩa vụ trả 279.284.500đ; Các đồng thừa kế của anh B có nghĩa vụ trả 279.284.500đ trong phạm vi di sản thừa kế do anh B để lại.

[3] Về án phí: Buộc chị T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh B phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn nợ bà L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 227, 228, 235, 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 288, Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định số tiền 558.569.000đ (*Năm trăm năm tám triệu năm trăm sáu chín nghìn đồng*) là công nợ chung của vợ chồng chị Lê Thị T và anh Lê Duy B nợ bà Hắc Thị L. Buộc chị Lê Thị T và các đồng thừa kế của anh Lê Duy B (gồm chị Lê Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, cháu Lê Duy B1 và cháu Lê Thị Ánh D trong phạm vi di sản anh B để lại) phải liên đới trả nợ cho bà Hắc Thị L. Trong đó chị Lê Thị T phải trả cho bà L số tiền 279.284.500đ (*Hai trăm bảy chín triệu hai trăm tám tư nghìn năm trăm đồng*); Chị T, bà Ch, cháu B1, cháu Ánh D phải trả cho bà L số tiền 279.284.500đ (*Hai trăm bảy chín triệu hai trăm tám tư nghìn năm trăm đồng*) trong phạm vi di sản thừa kế của anh B để lại.

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị T và các đồng thừa kế của anh B (trong phạm vi di sản anh B để lại) còn phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn – chị Lê Thị T và những người thừa kế của anh B (Chị Tình, bà Ch, cháu B1, cháu D trong phạm vi di sản anh B để lại) phải liên đới chịu án phí

dân sự sơ thẩm là 27.928.450đ (*Hai bảy triệu chín trăm hai tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), trong đó: Chị T có nghĩa vụ chịu 13.964.225đ (*Mười ba triệu chín trăm sáu tư nghìn hai trăm hai lăm đồng*); Những người thừa kế của anh B phải chịu 13.964.225đ (*Mười ba triệu chín trăm sáu tư nghìn hai trăm hai lăm đồng*) trong phạm vi di sản thừa kế của anh B để lại. Trả lại cho bà Hắc Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.580.000đ (*Sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010252 ngày 13/01/2021 **tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân

